



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 19 (06/05-10/05/24)

Giữ tỷ trọng đầu tư ở ngưỡng an toàn

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Giữ tỷ trọng đầu tư ở ngưỡng an toàn*

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tiến tới kháng cự quan trọng với thanh khoản thấp*

4. TIN VĨ MÔ: *PMI sản xuất Việt Nam tăng trở lại trên ngưỡng 50 điểm*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Du lịch và giải trí +4.04%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Giữ tỷ trọng đầu tư ở ngưỡng an toàn*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1221.03	0.95%
GTKL/phiên (tỷ VND)	13,821.07	-4.41%
Khối ngoại (tỷ VND)	-313.27	
HNX-INDEX	228.22	0.62%
GTKL/phiên (tỷ VND)	1,043.43	-19.41%
Khối ngoại (tỷ VND)	10.54	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	5127.79	1.26%	0.55%	-1.47%
EU (EURO STOXX)	4921.48	0.63%	-1.71%	-1.86%
China (SHCOMP)	3104.82	0.00%	0.52%	1.16%
Japan (NIKKEI)	38236.07	0.00%	0.79%	-1.94%
Korea (KOSPI)	2676.63	-0.26%	0.76%	-1.38%
Singapore (STI)	3292.93	-0.12%	0.39%	2.32%
Thailand (SET)	1369.92	0.49%	0.73%	-0.41%
Phillipines (PCOMP)	6615.55	-0.47%	-0.20%	-1.93%
Malaysia (KLCI)	1589.59	0.59%	0.92%	2.21%
Indonesia (JCI)	7134.72	0.24%	1.40%	-2.09%
Vietnam (VNIndex)	1221.03	0.38%	0.95%	-2.72%

TTCK VIỆT NAM

VN-Index duy trì đà hồi phục tuần ETF cơ cấu

Duy trì xu hướng hồi phục trước kỳ nghỉ Lễ, VN-Index tăng 1% trong 2 phiên giao dịch. 56% cổ phiếu và 15/18 ngành tăng trong tuần ETF cơ cấu danh mục. Khối ngoại bán ròng và thanh khoản thấp kéo theo vận động ngành không rõ ràng. Dù vậy các cổ phiếu được các ETF giao dịch và có KQKD quý I nổi bật vẫn đang có biến động vượt trội so với xu hướng chung. Mùa công bố KQKD quý I đã cơ bản hoàn thành và không khả quan so với dự báo (82% công ty trên HSX và HNX công bố LNST tăng trưởng 5.9%yoy; 87% báo lãi và chỉ có 54.6% có tăng trưởng dương. 30 công ty VN30 giảm 2.8%yoy trong khi 23 Ngân hàng tăng 8.3%). Thị trường sẽ bước vào vùng trũng thông tin trong vài tuần tới, chúng tôi tiếp tục cho rằng NĐT cần trọng giao dịch mới, tranh thủ những phiên tăng điểm để giảm bớt tỷ lệ nắm giữ về mức an toàn.

Tính trong 4 tháng, chỉ sản xuất công nghiệp và tổng mức BLHH và DTDV tiêu dùng + 6.3% và 8.5%yoy. FDI đăng ký và thực hiện +4.5% và 7.4%yoy. Vốn đầu tư từ ngân sách NN +5.9%yoy; Thu và chi ngân sách +10% và 4.4%yoy, thặng dư ngân sách 211.2 nghìn tỷ. Kim ngạch XNK +15.2%, trong đó NK+15% và XK+15.4%; xuất siêu +8.4 tỷ USD. PMI tháng 4 tăng từ 49.9 lên 50.3 điểm, số lượng đơn hàng mới đã tăng trở lại. CPI bình quân 4 tháng+3.93%yoy, lạm phát cơ bản+2.8%. Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì xu hướng hồi phục trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm dù vậy lạm phát tăng cùng với giá vàng, USD bình quân 4 tháng +20.7% và 4.6%, đang gây áp lực đến việc điều hành ổn định kinh tế vĩ mô.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ hồi phục sau tháng mất điểm tệ nhất kể từ tháng 9/2022

Các chỉ số CK Hoa Kỳ kết thúc tháng 4 mới mức giảm trung bình 4.3%. Dù vậy thị trường có phiên hồi phục 2/5, kết thúc 3 phiên giảm điểm và thu hẹp mức giảm bình quân 0.2%. TTCK Châu Âu và Châu Á tăng nhẹ với EU600 +0.4%, Nikkei 225 +1.6%. TTCK Trung Quốc duy trì đà hồi phục 2.8% sau dữ liệu kinh tế tích cực. DXY và trái phiếu CP Hoa Kỳ 10y có thêm tuần giảm -0.7% và -0.1%. Chỉ số hàng hóa đột ngột giảm mạnh -4.2% với nhiều mức giảm trên diện rộng của nhiều mặt hàng. Dầu và gas tự nhiên giảm trên -5% trong khi kim loại quý giảm bình quân -2%. Các mặt hàng nông sản như lúa mì, café, bông, coca giảm từ -4% đến -24%. Các thị trường đang có diễn biến phức tạp trước các thông tin khó dự báo trong ngắn hạn.

FED giữ nguyên lãi suất ở mức 5.25% - 5.5% và thu hẹp bảng cân đối kế toán từ tháng 6/2024. FOMC nhấn mạnh tới sự thiếu tiến triển về lạm phát và không kỳ vọng giảm lãi suất tới khi tự tin rằng lạm phát đang hạ nhiệt về mục tiêu 2% một cách bền vững. Kinh tế Hoa Kỳ vẫn đang tăng trưởng mạnh cùng với sự vững chắc trên thị trường việc làm. Chủ tịch FED cũng loại trừ khả năng tăng lãi suất tại cuộc họp chính sách vào tháng 6 và bác bỏ quan ngại trạng thái lạm phát đình trệ. FED dự kiến giảm 25 tỷ trái phiếu Chính phủ đến hạn mỗi tháng mà không tái đầu tư từ mức 60 tỷ USD. Việc giảm nhịp độ thắt chặt định lượng là động thái nới lỏng nhẹ hơn với chính sách tiền tệ hiện hành.

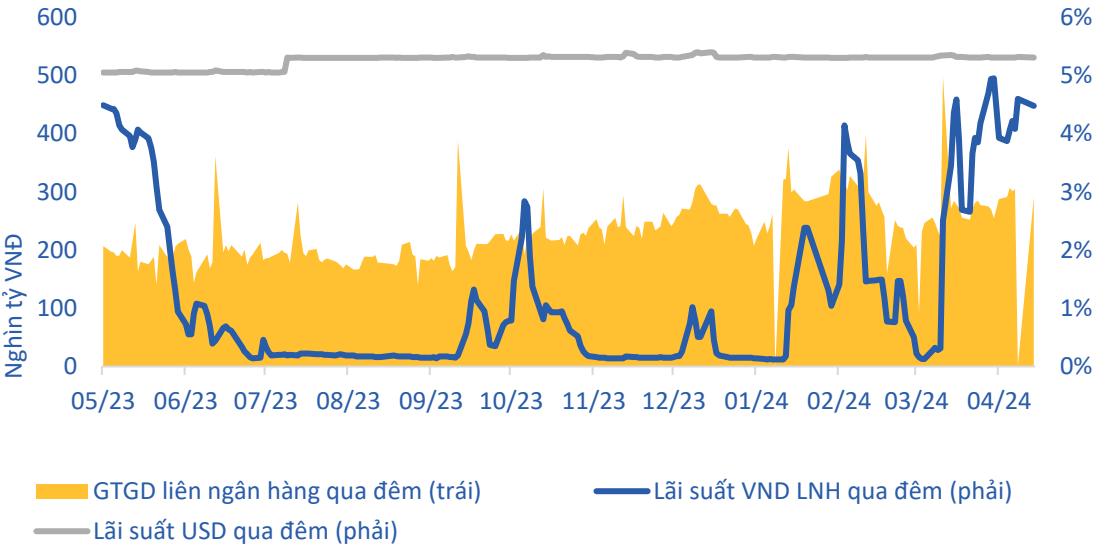
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 8	19/02/2024	23/02/2024	0.00	6,037.51	6,037.51
Tuần 9	26/02/2024	01/03/2024	6,037.51	0.00	-6,037.51
Tuần 10	04/03/2024	08/03/2024			0.00
Tuần 11	11/03/2024	15/03/2024	74,998.90	0.00	-74,998.90
Tuần 12	18/03/2024	22/03/2024	69,699.90	0.00	-69,699.90
Tuần 13	25/03/2024	29/03/2024	26,500.00	0.00	-26,500.00
Tuần 14	01/04/2024	05/04/2024	1,600.00	8,465.53	6,865.53
Tuần 15	08/04/2024	12/04/2024	33,715.53	84,998.89	51,283.36
Tuần 16	15/04/2024	19/04/2024	23,099.99	102,563.00	79,463.01
Tuần 17	22/04/2024	26/04/2024	44,263.10	144,305.10	100,042.00
Tuần 18	29/04/2024	03/05/2024	6,700.00	2,158.57	-4,541.43

Nguồn: SBV, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	4.48%	4.62%	4.72%	4.59%	5.62%	5.34%	5.28%
So với tuần trước	0.31%	0.14%	0.14%	0.06%	0.76%	-0.22%	-0.01%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	290,635.00	15,115	5,649	4,212	771	77	53
So với tuần trước	20.64%	-86.42%	-76.25%	5.34%	-88.05%	-73.90%	12.77%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 02/05/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 18, SBV phát hành 6.7 nghìn tỷ giá trị tín phiếu, đồng thời mua 558.57 tỷ giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV hút ròng hơn 4.5 nghìn tỷ qua OMOs.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng bình quân duy trì ở mức cao.

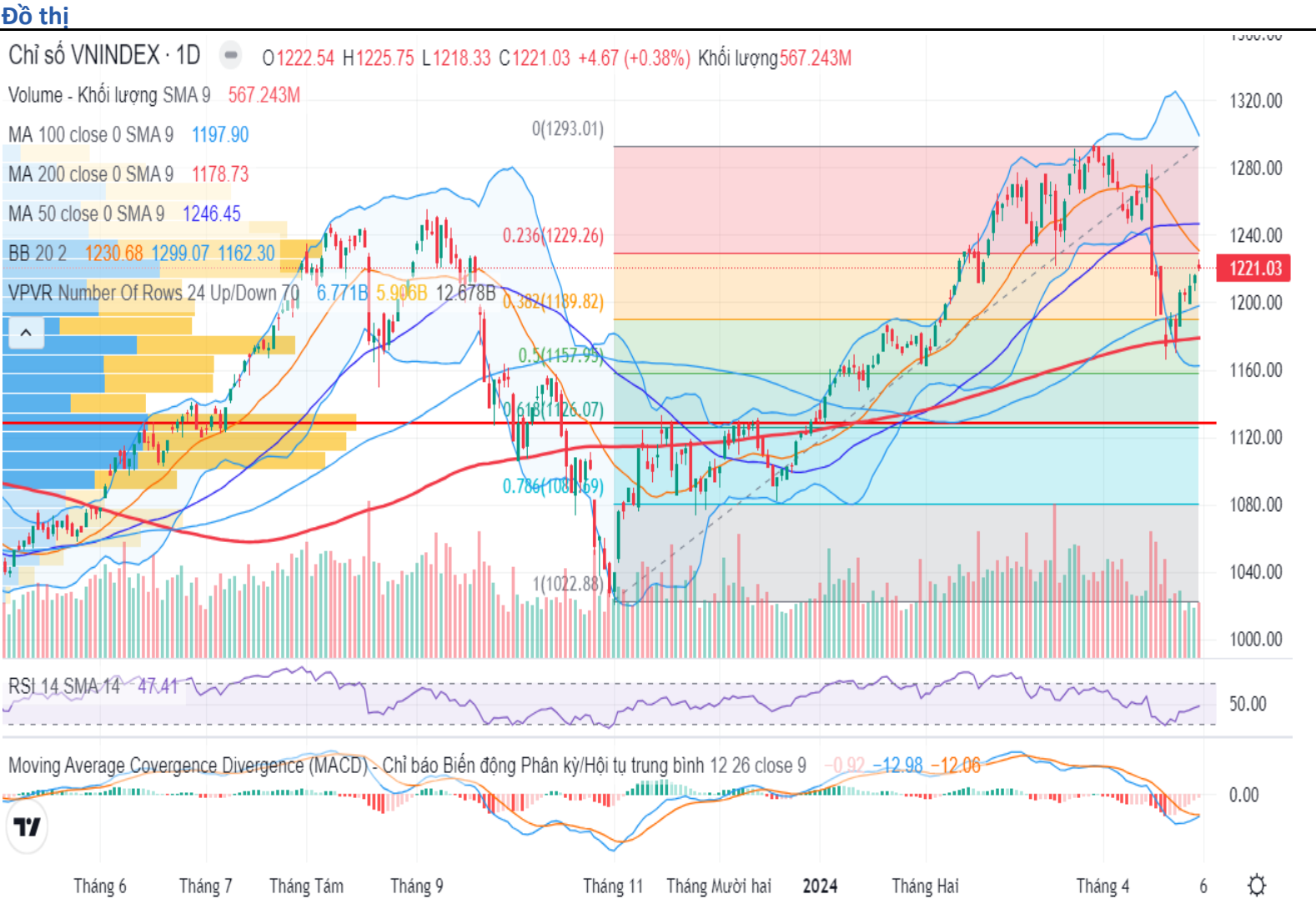
PTKT VN-INDEX: VN-Index tiến tới kháng cự quan trọng với thanh khoản thấp

Đồ thị ngày: VN-Index duy trì đà hồi phục sau kỳ nghỉ Lễ với 2 cây nến doji tăng điểm với thanh khoản thấp. Vận động tăng điểm giúp cho VN-Index tiếp cận sát ngưỡng kháng cự 1,228 – 1,235 điểm (Fibonacci 23.85 và kênh dưới của tích lũy hình hộp chữ nhật). Các chỉ báo kỹ thuật hồi phục nhẹ và duy trì ở mức trung tính sau nhịp bán tháo trước đó.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 43 lên 47 điểm.
- MACD thu hẹp khoảng cách với đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm 10% so bình quân giao dịch tuần trước.
- VN-Index dưới SMA 20, SMA50 và giữ trên SMA100 và SMA 200.

Kết luận: VN-Index vẫn đang có nhịp hồi phục với thanh khoản thấp trong tuần quỹ ETF cơ cấu danh mục. Chỉ số đã vượt qua Fibonacci 32.8% xu hướng tăng điểm trung hạn và hướng tới ngưỡng kháng cự 1,228 – 1,235 điểm. 2 cây nến doji với thanh khoản thấp cho thấy thị trường đang tăng điểm trong nghi ngờ cũng như NĐT chưa sẵn sàng tham gia trở lại. Ngưỡng kháng cự đang khá gần, áp lực bán sẽ nhanh chóng gia tăng qua đó kiểm tra sức mạnh của nhịp hồi phục trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *PMI sản xuất Việt Nam tăng trở lại trên ngưỡng 50 điểm*

VIỆT NAM:

- Tại kỳ họp bất thường chiều 2/5, Quốc hội thống nhất thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Chủ Quốc hội nhiệm kỳ 2021-2026 và cho thôi nhiệm vụ đại biểu khóa XV với ông Vương Đình Huệ.
- Chính phủ: đang đề xuất cho phép Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Nhà ở có hiệu lực sớm hơn 6 tháng, cùng thời điểm với Luật Đất đai 2024 cũng đang trình Chính phủ đề nghị Quốc hội chấp thuận cho phép có hiệu lực từ ngày 1/7/2024.
- Chính phủ: vừa có Tờ trình trình Quốc hội xem xét, cho phép tiếp tục thực hiện chính sách giảm 2% thuế suất VAT đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng thuế suất VAT 10% trong 6 tháng cuối năm 2024.
- PMI ngành sản xuất Việt Nam đã tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm trong tháng 4, ở mức 50.3 điểm. So với con số 49.9 điểm hồi tháng 3, kết quả PMI tháng 4 cho thấy sức khỏe ngành sản xuất Việt Nam đã cải thiện nhẹ.
- Bộ Tài chính: có Công văn số 4426/BTC-VĐT gửi Bộ Giao thông vận tải và UBND các tỉnh, thành phố yêu cầu khẩn trương phân bổ vốn và giải ngân vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải.
- Tổng cục Thuế: kiến nghị NHNN nghiên cứu, trình cấp thẩm quyền quy định bắt buộc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các giao dịch kinh doanh vàng đồng thời quy định cơ chế kiểm soát các giao dịch này.
- NHNN: đang dự thảo Thông tư quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Mỹ: 208K (Dự kiến: 212K, trước đó: 207K). Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp ban đầu vẫn duy trì mức ổn định. Chủ tịch Fed nhấn mạnh rằng tỷ lệ thất nghiệp gia tăng sẽ là dấu hiệu cho thấy khả năng nới lỏng chính sách trong tương lai.
 - Hoa Kỳ: Đơn đặt hàng nhà máy ở Mỹ trong tháng 3: 1.6% như dự kiến. Tháng trước: 1.4% được điều chỉnh thành 1.2%.
 - Hoa Kỳ: PMI dịch vụ cuối tháng 4 của S&P Global cao hơn dự kiến: 51.3 (dự kiến: 50.9, trước đó: 51.7)
- PMI tổng hợp: 51.3 (dự kiến: 50.9, trước đó: 52.1).
- Hoa Kỳ: theo báo cáo ngày 3/5, có thêm 175,000 việc làm, thấp hơn nhiều so với dự báo 240,000 việc làm từ các chuyên gia và cũng thấp hơn các tháng trước. Tỷ lệ thất nghiệp cũng tăng lên 3.9%, cao hơn dự báo 3.8% và là mức cao nhất kể từ tháng 1/2022.
 - Hoa Kỳ: Chi phí lao động Quý 1 của Mỹ: +4.7% (dự kiến: +3.3%, trước đó: +0.4%). Chi phí lao động cao hơn là một dấu hiệu khó khăn đối với các thị trường vốn đã lo lắng về việc tăng lương. Những con số này rất khó đo lường và thường xuyên được sửa đổi.
 - Reuters: OPEC+ có khả năng sẽ kéo dài thời gian cắt giảm sản lượng. Mức cắt giảm sản lượng dầu hiện tại là 2,2 triệu thùng/ngày và sẽ duy trì cho đến tháng 6.
 - PMI sản xuất tháng 4 tại Eurozone tăng nhẹ như dự báo: 45.7 (dự báo: 45.6, trước đó: 45.6). Sản lượng giảm với tốc độ tương tự như những tháng trước, với lượng hàng mua vào giảm với tốc độ nhanh hơn.

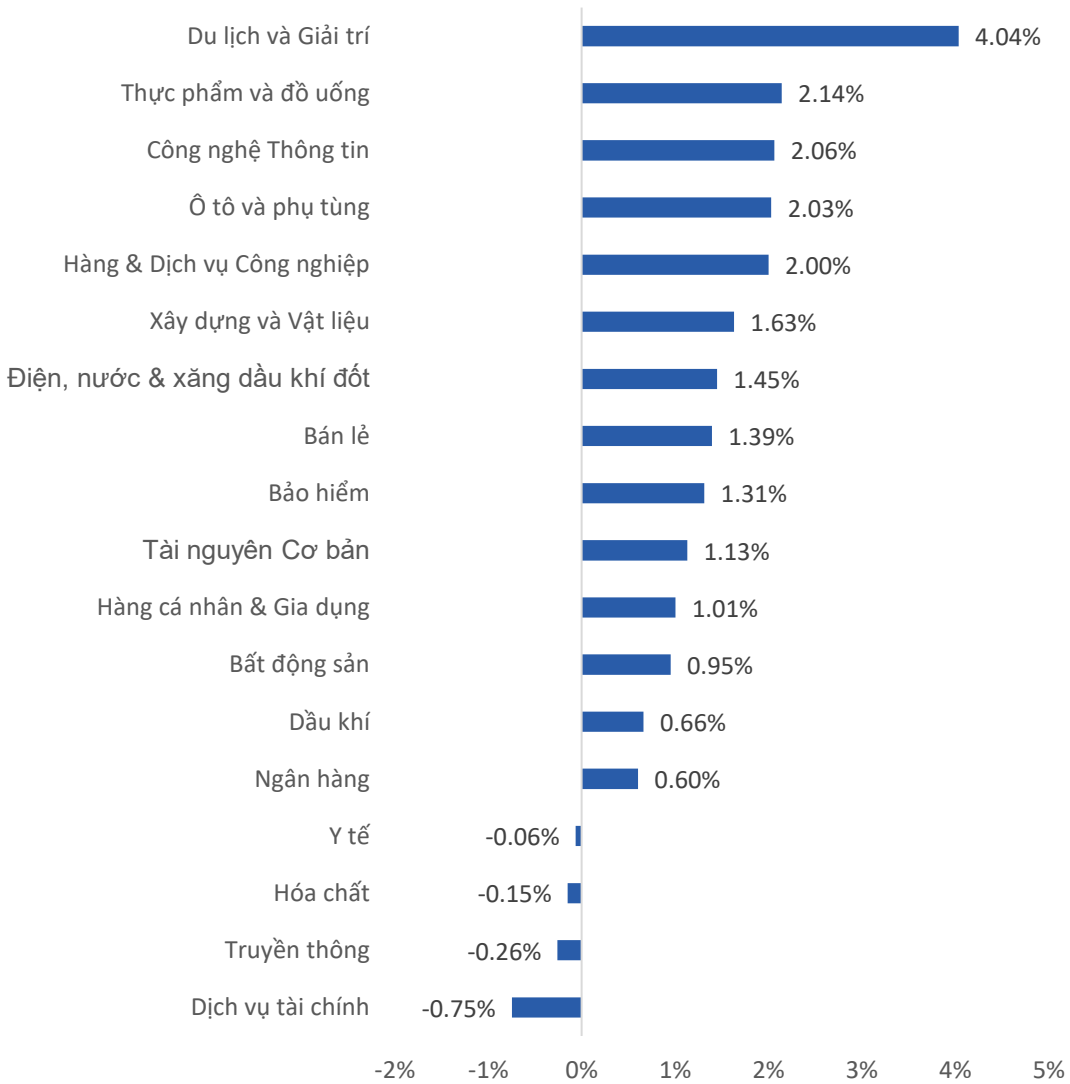
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- TT bước vào vùng trung thông tin khi mùa ĐHCĐ và KQKD quý I cơ bản đã hoàn thành.
- 6/5, PMI Trung Quốc, EU. 7/5, Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ NHTW Úc; Doanh thu bán lẻ EU. 8/5, Cán cân thương mại Trung Quốc; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 9/5, M2, các khoản vay mới Trung Quốc; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ BOE; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 10/5, Chỉ số sản xuất công nghiệp, cán cân thương mại, GDP Anh; Tỷ lệ thất nghiệp Canada.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Du lịch và Giải trí	3.47%	4.04%	13.03%
Thực phẩm và đồ uống	0.72%	2.14%	-2.47%
Công nghệ Thông tin	-1.13%	2.06%	8.55%
Ô tô và phụ tùng	-0.41%	2.03%	-3.97%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.42%	2.00%	-2.39%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	77.96	-1.25%	-6.88%	-9.96%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	82.81	-1.02%	-6.12%	-8.65%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.55	-1.90%	-7.63%	-8.71%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	2297.33	-0.15%	-1.73%	0.35%		PNJ
Bạc	Ounce	26.55	0.83%	-2.38%	-1.02%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1201.67	3.13%	3.66%	1.84%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	18.40	0.44%	18.56%	18.86%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	160.30	-2.67%	-0.25%	-2.49%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	19.32	-0.33%	-0.49%	-13.59%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, QNS
Ure	USD/T	285.75	0.09%	-2.64%	-12.75%		DPM, DCM
Niken	LB	19273.00	3.35%	0.90%	9.86%		PC1
Đồng	LB	4.58	2.10%	0.10%	8.66%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2030.00	0.00%	1.50%	4.64%		CSV
Thép	CNY/ton	3493.00	-1.41%	-1.83%	4.89%		HPG
Nhôm	Ton	2555.00	1.07%	-0.56%	4.52%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	118.08	0.74%	7.66%	17.60%	HPG	
Than đá	Ton	147.75	0.51%	8.84%	13.96%	HT1, HPG	HLC, NBC, TNT, THT



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VCB	0.01	1.79
TCB	0.03	1.39
MSN	0.04	0.92
FPT	0.02	0.84
SAB	0.04	0.73
HVN	0.07	0.68
ACB	0.02	0.62
HDB	0.04	0.61
VRE	0.04	0.55
REE	0.07	0.43
Tổng		8.56

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
GVR	-0.02	-0.59
CTG	-0.01	-0.53
LPB	-0.03	-0.44
NVL	-0.04	-0.31
STB	-0.02	-0.30
VPB	-0.01	-0.29
TPB	-0.02	-0.22
SSI	-0.02	-0.20
EIB	-0.02	-0.15
DIG	-0.03	-0.14
Tổng		-3.17

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng
MWG	785.14
PDR	76.99
VCB	69.76
MSN	62.08
VNM	59.76
BID	51.59
HPG	48.46
SAB	46.29
IDC	33.15
VIC	21.69
Tổng	1,254.91

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng
BWE	-464.01
FUESSVFL	-255.97
SSI	-94.46
CTG	-82.24
VPB	-61.42
DIG	-58.00
HDB	-49.15
HCM	-41.99
MCH	-41.18
GVR	-40.60
Tổng	-1189.02

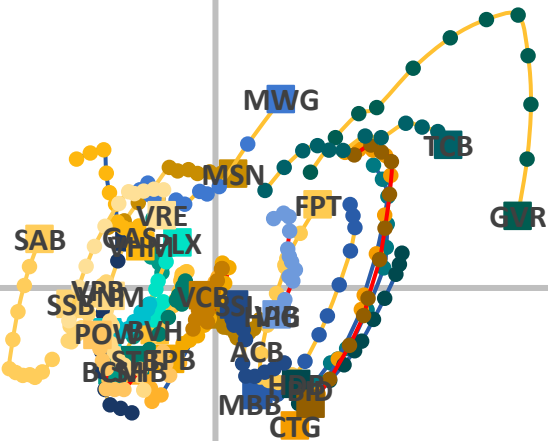
Vận động cổ phiếu VN30

FPT	106.6456	102.2214
GVR	119.5911	101.9122
MSN	101.1677	103.0422
MWG	104.25	105.0296
TCB	115.0989	103.8098
GAS	94.4373	101.362
PLX	97.56402	101.2086
SAB	88.62649	101.3007
VHM	95.15257	101.1091
VIC	97.34518	102.9528
VRE	96.54397	101.9359
ACB	102.6843	97.13369
BID	106.1199	97.29027
CTG	105.1671	96.32249
HDB	105.2497	97.4343
HPG	100.152	99.2891
MBB	106.1727	96.90871
SSI	101.2299	99.55513
VIB	103.9865	99.28407
BCM	93.34563	97.79138
BVH	96.0742	98.86796
POW	93.00602	98.8125
SHB	95.14767	97.79452
SSB	90.62992	99.57014
STB	94.80587	98.06865
TPB	97.0858	98.1012
VCB	99.2155	99.79686
VJC	92.86026	98.21015
VNM	93.2316	99.78181
VPB	92.37375	98.74098

Hồi
phục

Tích
cực

JdK RS-Momentum



Tiêu
cực

Suy
yếu

JdK RS-Ratio

Nguồn: Bloomberg

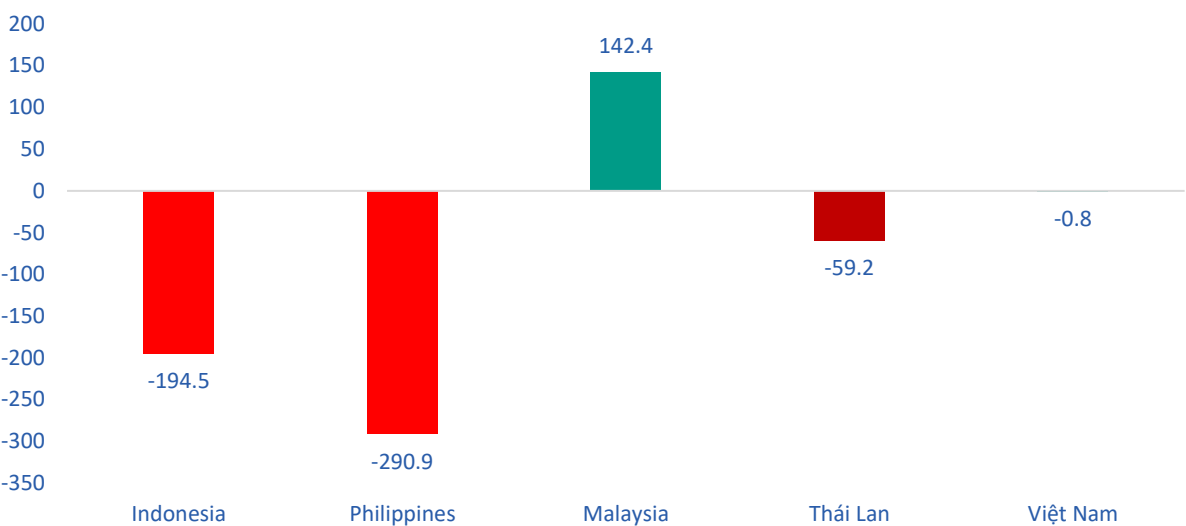
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(403.0)	(331.0)	(2,059.1)	(2,731.8)
Indonesia	-194.5	-214.6	-1221.7	464.1
Philippines	-290.9	-24.1	-436.3	-273.7
Malaysia	142.4	9	-278.6	-465.2
Thái Lan	-59.2	-100.5	7.4	-1926
Việt Nam	-0.8	-0.8	-129.9	-531
Các nước khác	1,706.7	(166.0)	(4,297.5)	13,953.5
Hàn Quốc	474.4	-6.8	1787.2	13975.9
Đài Loan	1095.7	-75.4	-4903.7	-174.2
Ấn Độ	139	-83.3	-1180.4	177.9
Sri Lanka	(2.40)	(0.50)	(0.60)	(26.10)

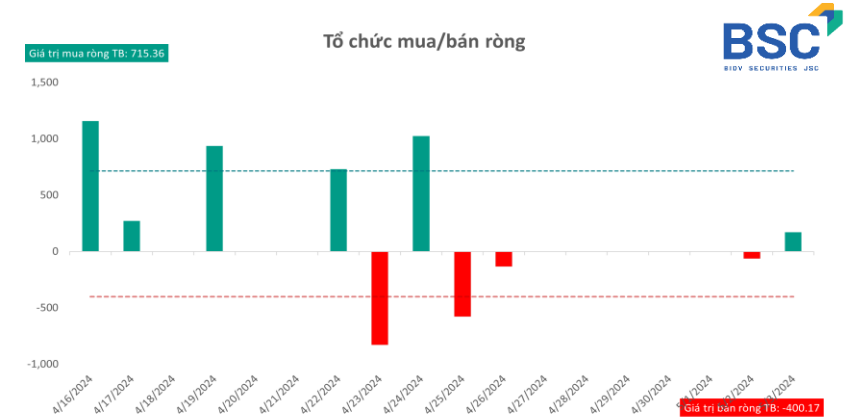
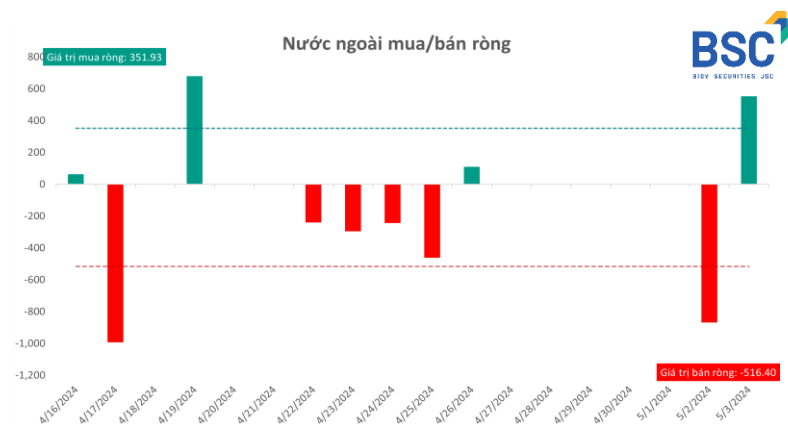
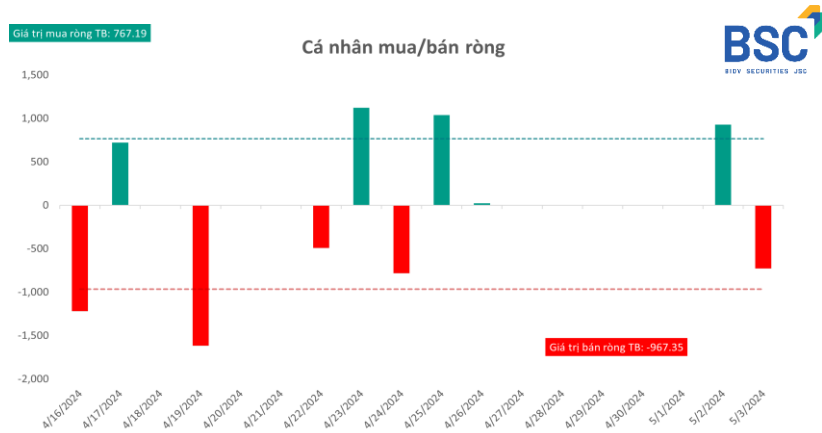


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Dec-23			Jan-24				Feb-24				Mar-24				Apr-24				May-24
	W50	W51	W52	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17
Tổng	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)	(24.53)	(2.84)	(4.04)	(26.66)	(16.63)	(36.71)	(94.29)	(45.24)	(30.80)	(12.94)	(21.24)	(31.95)	(39.26)
ETF ngoại	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)	-	(18.98)	1.09	1.76	(19.49)	(32.48)	(23.89)	7.97	(20.46)	(2.88)	7.37
Fubon	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13	0.00	1.15	6.06	3.63	(16.75)	(29.66)	(21.99)	21.54	(2.61)	5.13	7.37
VNM	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00	0.00	1.29	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
FTSE	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(8.15)	(4.97)	(1.87)	(2.74)	(2.82)	(1.90)	(3.56)	(8.22)	(2.52)	0.00
iShare	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)	0.00	(13.27)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(10.01)	(9.63)	(5.49)	0.00
ETF nội	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00	(4.04)	(7.68)	(17.72)	(38.47)	(74.80)	(12.76)	(6.91)	(20.91)	(0.78)	(29.07)	(46.63)
Diamond	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00	(2.32)	(1.72)	(8.70)	(32.81)	(66.55)	(5.76)	0.57	1.33	0.82	(28.90)	(47.54)
E1	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00	(1.72)	(6.80)	(8.51)	(5.66)	(3.13)	(5.37)	(6.53)	(1.65)	(0.25)	(0.25)	0.59
Finlead	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00	0.00	0.84	(0.51)	0.00	(5.12)	(1.63)	(0.95)	(20.59)	(1.35)	0.08	0.32

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
FUESSVFL	12,989,400	258.53	MWG	2,523,000	(141.34)	MWG	14,120,490	785.14	BWE	11,869,700	(464.01)	MWG	12,215,950	677.31	PNJ	2,102,900	(202.88)
GMD	2,148,900	183.65	BID	1,109,500	(54.75)	PDR	2,834,800	76.99	FUESSVFL	12,861,700	(55.97)	BWE	3,823,900	150.79	NLG	4,406,850	(175.31)
HDB	6,173,100	150.18	FPT	359,000	(46.87)	VCB	757,237	69.76	SSI	2,727,972	(94.46)	STB	4,374,570	120.87	GMD	1,860,400	(159.41)
PNJ	1,340,866	129.81	VPB	1,600,100	(29.35)	MSN	893,925	62.08	CTG	2,549,438	(82.24)	FPT	895,919	113.06	REE	2,368,300	(153.77)
NLG	3,048,500	122.14	HPG	929,000	(26.61)	VNM	913,591	59.76	VPB	3,338,370	(61.42)	VPB	5,832,370	107.20	VRE	5,805,430	(136.21)
ACB	2,695,100	73.45	VHM	305,000	(12.53)	BID	1,045,658	51.59	DIG	2,167,200	(58.00)	VIB	3,853,590	82.03	HDB	5,330,639	(130.67)
GEX	3,380,800	70.48	CTG	331,400	(10.74)	HPG	1,678,382	48.46	HDB	2,074,861	(49.15)	CTG	2,225,238	71.98	ACB	4,578,900	(124.97)
REE	984,500	65.72	DGC	88,300	(10.57)	SAB	820,918	46.29	HCM	1,587,092	(41.99)	TPB	3,954,886	69.47	TCB	2,588,643	(124.85)
TCB	1,356,500	65.54	VCB	110,900	(10.26)	VIC	490,087	21.69	GVR	1,363,878	(40.60)	MSB	4,743,000	64.12	KDH	3,133,552	(111.19)
HVN	3,186,400	58.56	TPB	571,701	(10.08)	TPB	1,030,415	17.97	STB	1,391,540	(38.73)	SSI	1,803,372	62.15	PDR	2,714,800	(73.71)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92.5	0.70%	0.60	20,410.00	5.40	5,910.00	15.70	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	49.2	0.00%	1.10	11,072.00	1.40	3,772.00	13.00	54,578	17.30%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	0.50%	1.00	5,763.00	7.70	1,397.00	13.20	23,685	28.00%	Link
TCB	Ngân hàng	48.2	2.90%	1.10	6,703.00	26.00	5,600.00	8.60	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	22.4	0.00%	1.00	4,676.00	10.50	3,818.00	5.90	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	27.6	-0.20%	1.00	2,050.00	9.60	4,094.00	6.70	31,200	22.50%	Link
CTG	Ngân hàng	32.4	0.20%	1.20	6,869.00	7.90	3,706.00	8.70	19,100	27.10%	Link
ACB	Ngân hàng	27.5	1.90%	0.80	4,217.00	9.50	4,072.00	6.80	42,500	30.00%	Link
SSI	Chứng khoán	34.6	-0.10%	1.30	2,064.00	12.50	1,529.00	22.70	45,900	43.20%	Link
IDC	BĐS KCN	59.2	5.30%	1.20	771.00	4.00	4,223.00	14.00	-	17.60%	Link
HPG	VLXD	28.6	1.10%	1.20	6,577.00	18.90	1,601.00	17.90	23,300	24.50%	Link
HSG	VLXD	20	1.00%	1.60	486.00	5.30	1,321.00	15.10	79,900	22.10%	Link
VHM	BĐS	41	-0.10%	1.10	7,065.00	7.10	7,664.00	5.40	38,900	22.40%	Link
KDH	BĐS	35.9	2.60%	1.30	1,133.00	5.20	726.00	49.50	44,100	38.00%	Link
NLG	BĐS	40.8	3.90%	1.40	620.00	7.90	1,257.00	32.50	46,100	42.90%	Link
DGC	Hóa chất	119	-1.00%	1.50	1,784.00	10.50	7,845.00	15.20	85,000	18.90%	Link
DCM	Phân bón	32	-0.20%	1.30	669.00	2.50	2,313.00	13.80	41,000	10.90%	Link
GAS	Dầu khí	74.2	0.40%	0.60	6,728.00	1.50	5,053.00	14.70	36,000	2.60%	Link
PVS	Dầu khí	39.4	-0.80%	0.90	744.00	9.50	2,148.00	18.30	110,500	20.80%	Link
PVD	Dầu khí	29.8	0.80%	1.20	654.00	4.40	1,052.00	28.30	45,000	23.30%	Link
POW	Tiện ích	11	-1.40%	0.70	1,012.00	2.10	443.00	24.70	38,500	4.00%	Link
VHC	Thủy sản	74.6	-1.70%	1.20	661.00	2.20	4,914.00	15.20	29,000	32.20%	Link
GMD	Logistics	85.5	1.50%	0.90	1,048.00	13.70	7,357.00	11.60	14,500	48.20%	Link
VNM	Bán lẻ	65.6	0.30%	0.60	5,413.00	5.10	4,408.00	14.90	81,700	53.90%	Link
MSN	Bán lẻ	69.8	2.60%	1.30	4,148.00	19.40	215.00	324.10	27,700	28.20%	Link
MWG	Bán lẻ	55.7	0.20%	1.50	3,215.00	65.10	115.00	485.80	63,800	44.50%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.5	0.40%	0.90	1,275.00	9.00	5,860.00	16.50	83,500	49.00%	Link
DGW	Bán lẻ	59	-0.50%	1.90	389.00	3.30	2,121.00	27.80	90,900	23.40%	Link
FPT	Công nghệ	125.9	-1.10%	0.90	6,312.00	15.90	5,335.00	23.60	57,000	49.00%	Link
CTR	Công nghệ	130	2.00%	1.20	587.00	3.80	4,510.00	28.80	108,000	10.10%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	24.4	3.40%	0.90	2,811.00	11.00	3,458.00	7.10	1.60	19.60%	25.40%
VIB	Ngân hàng	21.2	-0.90%	1.20	2,123.00	4.70	3,315.00	6.40	1.40	20.50%	24.30%
TPB	Ngân hàng	17.5	-0.80%	1.30	1,521.00	5.40	2,050.00	8.50	1.10	29.80%	13.70%
MSB	Ngân hàng	13.6	-0.40%	1.20	1,070.00	2.40	2,310.00	5.90	0.80	30.00%	16.00%
EIB	Ngân hàng	17.6	-0.80%	1.10	1,210.00	1.70	1,244.00	14.20	1.40	1.80%	10.10%
HCM	Chứng khoán	26.4	0.40%	1.60	735.00	4.00	1,175.00	22.50	2.20	41.00%	8.30%
VCI	Chứng khoán	46.7	0.80%	1.70	807.00	7.90	1,409.00	33.10	2.50	21.70%	7.10%
VND	Chứng khoán	20.3	0.00%	1.60	976.00	5.10	2,057.00	9.90	1.40	22.60%	13.10%
BID	Ngân hàng	49.2	0.00%	1.10	11,072.00	1.40	3,772.00	13.00	2.40	17.30%	20.30%
SHS	Chứng khoán	18.2	-0.50%	1.80	584.00	9.30	1,076.00	16.90	1.40	13.20%	5.70%
LCG	Xây dựng	11.5	-0.90%	1.50	86.00	0.80	546.00	21.00	0.90	2.10%	4.60%
HUT	Xây dựng	17	0.60%	1.50	599.00	1.40	53.00	321.50	1.30	1.60%	0.70%
CTD	Xây dựng	66	-0.80%	1.20	260.00	1.60	1,894.00	34.80	0.80	44.30%	2.30%
HHV	Xây dựng	12.8	-0.80%	1.50	208.00	2.00	782.00	16.40	0.60	6.70%	4.20%
C4G	Xây dựng	9.7	-1.00%	1.50	-	0.10	365.00	26.60	0.90	0.00%	4.90%
DIG	BĐS KCN	26.8	0.00%	1.90	646.00	13.10	195.00	137.90	2.10	5.20%	2.10%
CEO	BĐS KCN	18.2	0.60%	1.30	370.00	4.10	293.00	62.10	1.50	5.60%	2.40%
KBC	BĐS KCN	29.5	1.70%	1.60	894.00	5.90	2,646.00	11.20	1.10	20.80%	11.70%
VGC	BĐS KCN	51.4	-1.00%	1.40	910.00	1.00	2,746.00	18.70	2.40	5.40%	12.50%
SZC	BĐS KCN	40.9	-0.20%	1.20	291.00	2.10	1,514.00	27.00	2.50	3.20%	13.40%
SIP	BĐS KCN	83.4	0.00%	1.30	599.00	0.40	5,098.00	16.40	3.80	0.30%	26.90%
PHR	BĐS KCN	57.8	-0.30%	1.10	309.00	0.90	3,448.00	16.80	2.00	15.80%	18.30%
GVR	BĐS KCN	29.4	-2.00%	1.60	4,643.00	4.60	656.00	44.80	2.10	0.30%	6.20%
NKG	Vật liệu	22.8	0.40%	1.70	237.00	5.30	446.00	51.10	1.10	16.00%	2.30%
BMP	Hóa chất	116	4.10%	0.90	375.00	2.20	12,717.00	9.10	3.50	85.90%	39.10%
IJC	Bất động sản	13.6	-1.10%	1.50	202.00	1.10	1,477.00	9.20	0.90	5.90%	10.30%
DXG	Bất động sản	16.4	0.00%	1.90	467.00	5.20	239.00	68.70	0.80	20.00%	1.10%
VRE	Bất động sản	23.4	2.90%	1.20	2,099.00	12.00	1,940.00	12.10	1.40	31.00%	12.40%
PDR	Bất động sản	27	2.70%	1.90	786.00	12.90	964.00	27.90	2.10	7.40%	7.20%
CSV	Hóa chất	58.3	0.70%	1.60	102.00	1.50	4,370.00	13.30	1.70	3.70%	16.10%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DHC	Hóa chất	38	0.10%	1.00	121.00	0.30	3,843.00	9.90	1.70	35.80%	17.20%
PLX	Dầu khí	36	0.60%	0.90	1,806.00	0.70	2,230.00	16.10	1.60	17.10%	10.70%
PLC	Dầu khí	28	-0.40%	1.50	89.00	0.20	1,261.00	22.20	1.70	1.20%	8.40%
BSR	Dầu khí	18.2	0.60%	1.10	-	3.00	2,790.00	6.50	1.00	0.80%	15.60%
DRC	Săm lốp	30.2	0.50%	0.70	142.00	0.90	2,286.00	13.20	1.90	13.60%	13.20%
PC1	Tiện ích	26.2	0.00%	1.30	322.00	1.70	450.00	58.30	1.10	8.50%	4.10%
HDG	Tiện ích	26.6	-1.30%	1.30	322.00	0.80	2,327.00	11.50	1.20	22.80%	12.90%
GEX	Tiện ích	20.6	-1.40%	1.90	694.00	7.30	625.00	33.10	0.80	12.60%	4.10%
QTP	Tiện ích	16	-1.80%	0.60	-	0.40	1,549.00	10.30	1.30	1.20%	10.80%
REE	Tiện ích	65.9	2.60%	0.90	1,063.00	9.50	4,706.00	14.00	1.30	49.00%	13.90%
ANV	Thủy sản	29.2	-0.20%	1.30	153.00	1.00	(252.00)	-115.40	1.40	3.00%	1.50%
PTB	Thủy sản	68.9	6.70%	0.80	182.00	3.90	3,851.00	17.90	1.70	20.90%	10.60%
PVT	Logistics	25	-0.80%	0.80	357.00	2.10	3,005.00	8.50	0.90	12.30%	14.30%
VSC	Logistics	20	-0.70%	1.40	211.00	1.40	927.00	21.60	0.80	2.50%	6.20%
HAH	Logistics	40.1	-1.10%	1.40	167.00	2.10	3,648.00	11.00	1.30	3.90%	12.10%
VTP	Logistics	78.8	2.30%	1.30	379.00	7.60	3,119.00	25.30	6.10	9.40%	25.60%
DBC	Bán lẻ	27.9	-1.60%	1.70	267.00	7.30	103.00	270.00	1.40	4.50%	0.50%
FRT	Bán lẻ	164	0.00%	0.80	882.00	6.30	(2,548.00)	-64.40	10.90	36.20%	11.80%
QNS	Bán lẻ	47	0.90%	0.70	-	1.10	6,737.00	7.00	1.90	15.50%	27.30%
DPM	Phân bón	32.4	-0.60%	1.20	500.00	1.30	1,327.00	24.40	1.10	10.00%	4.20%
TNG	Dệt may	20.2	0.50%	1.10	90.00	0.60	1,917.00	10.50	1.20	18.60%	12.50%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

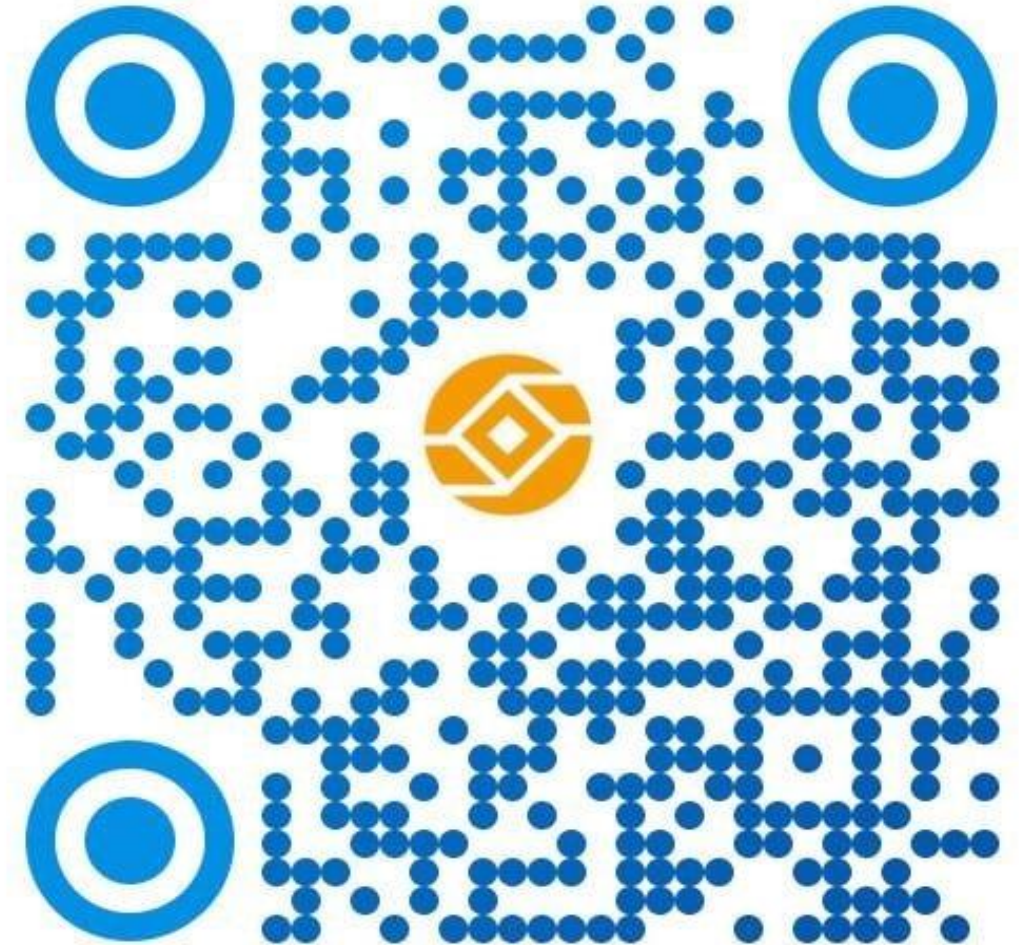
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký